

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2021/DS-PT

Ngày: 28 - 01 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay  
tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Bảo Nguyên

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Giản Thị Dung – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trng ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 603/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số 478/2019/DS-ST ngày 23/10/2019 của Toà án nhân dân quận Tân B., Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh Th., sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 745/5/6 đường Lạc Long Q., Phường 10, quận Tân B., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Nam, sinh năm 1981, Địa chỉ: Số 53/1/28 đường Trần Khánh Dư, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố H., là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc H1., sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số 6/50 Đường số 3, Cx Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Anh M, sinh năm 1969, Địa chỉ: Số 86 đường Huỳnh Văn Ng., Phường 15, quận Tân B., Thành phố H., là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2017). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Hồng Phát H1..

Địa chỉ: Số 745/5/6 đường Lạc Long Q., Phường 10, quận Tân B., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh Th., sinh năm 1962, chức vụ Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Trần Thanh Th., Bà Trịnh Thị Ngọc H1..

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B., Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Vào tháng 4/2015, nguyên đơn là Ông Trần Thanh Th. có cho bị đơn là Bà Trịnh Thị Ngọc H1. vay tiền. Tổng số tiền nguyên đơn đã đưa bị đơn là 1.440.0000.000 đồng, đưa làm 02 lần. Lần 1 nguyên đơn đã đưa tiền mặt cho bị đơn số tiền 1.095.562.000 đồng, tuy nhiên nguyên đơn không nhớ ngày đưa, hai bên không lập giấy giao nhận tiền và cũng không có người làm chứng. Lần 2 nguyên đơn có nhờ Công ty Hồng Phát Hưng chuyển khoản cho bị đơn số tiền 344.438.000 đồng ngày 15/4/2015. Sau đó bị đơn lần nữa không chịu trả nên đến ngày 02/11/2015 nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn viết giấy tay mượn của nguyên đơn số tiền 1.440.000.000 đồng, lãi suất ngân hàng. Theo nguyên đơn mức lãi suất này là 10%/năm nên bị đơn ghi trong giấy nợ của 6 tháng tính từ tháng 4/2015 đến tháng 10/2015 số tiền lãi là 70.000.000 đồng tương đương 10%/năm (số tiền lãi này hai bên lấy tròn số là 70.000.000 đồng chứ thực tế là 72.000.000 đồng). Từ đó đến nay bị đơn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 1.440.000.000 đồng, và số tiền lãi 10%/năm, tính từ tháng 4/2015 đến tháng 10/2016 là 1,5 năm, thành tiền là:  $10\% \times 1.440.000.000 \times 1,5 = 216.000.000$  đồng. Nguyên đơn đồng ý kết quả giám định trong Kết luận giám định số 102/C54-P5 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát ngày 13/6/2018, không yêu cầu giám định lại nữa.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn trình bày:

Bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.440.000.000 đồng và tiền lãi vì bị đơn không vay nợ của nguyên đơn. Theo kết luận của Viện Khoa học Hình sự thì chữ viết trên Giấy mượn tiền ngày 02/11/2015 không có đủ cơ sở để xác nhận đó là chữ viết của bị đơn. Nguyên đơn khai cho bị đơn vay nhiều lần nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn trình bày cụ thể từng khoản vay mà nguyên đơn chuyển cho bị đơn. Số tiền 344.438.000 đồng theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 15/4/2015 thể hiện nguyên đơn chuyển cho bị đơn là tiền nguyên đơn tự nguyện cho bị đơn chứ không phải tiền vay.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Hồng Phát Hưng (viết tắt là Công ty Hồng Phát Hưng) trình bày:

Vào ngày 15/4/2015 nguyên đơn có nhờ Công ty Hồng Phát Hưng chuyển cho bị đơn số tiền 344.438.000 đồng tại Ngân hàng VPbank Lý Thường Kiệt. Đây là số tiền của nguyên đơn nhờ Công ty Hồng Phát Hưng chuyển cho bị đơn, nguyên đơn là chủ sở hữu tài khoản của Công ty Hồng Phát Hưng. Đây là giao dịch dân sự riêng của hai người tự giải quyết, Công ty Hồng Phát Hưng chỉ là người chuyển hộ tiền của nguyên đơn đến bị đơn, Công ty Hồng Phát Hưng không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì vì bị đơn đã thừa nhận có nhận số

tiền 344.438.000 đồng do nguyên đơn chuyển ngày 15/4/2015, đến ngày 02/11/2015 bị đơn viết giấy mượn tiền của nguyên đơn tổng cộng 1.440.000.000 đồng là trong đó có 344.438.000 đồng do nguyên đơn chuyển cho vay. Công ty Hồng Phát Hưng xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp và hòa giải.

Tại Bản án sơ thẩm số 478/2019/DS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân B., Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.440.000.000 đồng, nợ lãi từ tháng 4/2015 đến tháng 10/2016 là 216.000.000 đồng; tổng cộng 1.656.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn nếu có yêu cầu khởi kiện vụ án khác để yêu cầu bị đơn trả thêm tiền lãi từ tháng 11/2016 cho đến ngày bị đơn trả hết nợ gốc, thì Tòa án có thẩm quyền sẽ xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phương thức thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/11/2019, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ tháng 11/2016 đến ngày 30/10/2019 và hoàn trả tiền chi phí giám định cho nguyên đơn.

Ngày 25/10/2019, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 06/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B. ban hành Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNST-VKS-DS đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về tính tiền lãi từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2019 và xác định nghĩa vụ nộp tiền chi phí giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo quy định pháp luật và chi phí giám định; người kháng cáo là bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý yêu cầu khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đề nghị kháng nghị, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 04/11/2019 nguyên đơn nộp Đơn kháng cáo; ngày 25/10/2019 bị đơn nộp Đơn kháng cáo; ngày 06/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B. gửi văn bản kháng nghị; đối với Bản án sơ thẩm số 478/2019/DS-ST ngày 23/10/2019. Như vậy, những người kháng cáo, người có thẩm quyền kháng nghị đã kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo đúng quy định tại Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015).

[2] Về nội dung kháng cáo: nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ tháng 11/2016 đến ngày 30/10/2019 là 418 triệu đồng và hoàn trả tiền chi phí giám định cho nguyên đơn; bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B. kháng nghị đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về tính tiền lãi từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2019 và xác định nghĩa vụ nộp tiền chi phí giám định. Như vậy phạm vi xét xử phúc thẩm là toàn bộ nội dung tranh chấp liên quan đến giao dịch dân sự vay tài sản và nghĩa vụ nộp chi phí giám định.

[3] Đối với yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu và Tờ khai nhân khẩu của bị đơn để chứng minh khi bị đơn ký Giấy nợ ngày 02/11/2015 là ký khống vì trước đây đã từng nhờ nguyên đơn làm nhiều thủ tục hành chính và ký khống nhiều giấy tờ đưa nguyên đơn đi làm dùm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngay cả trường hợp thu thập được những tài liệu như nguyên đơn trình bày cũng không đủ cơ sở suy luận bị đơn không bị ràng buộc trách nhiệm theo nội dung ghi trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 khi đã ký tên trên đó vì tính chất của những tài liệu này là khác nhau. Do vậy, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn tiến hành thu thập những tài liệu này.

[4] Đối với yêu cầu giám định bổ sung các chữ viết trong Giấy nhận nợ ngày 02/11/2015, thời gian viết trước hay sau chữ ký đã được Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy:

[5] Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên đơn cho bị đơn vay 2 lần: lần đầu, nguyên đơn đã đưa tiền mặt cho bị đơn số tiền 1.095.562.000 đồng (nguyên đơn khai không nhớ ngày đưa, hai bên không lập giấy giao nhận tiền và cũng không có người làm chứng), lần thứ hai nguyên đơn nhờ Công ty Hồng Phát Hưng chuyển khoản cho bị đơn số tiền 344.438.000 đồng vào ngày 15/4/2015. Đến ngày 02/11/2015, bị đơn viết giấy nợ tổng cộng là 1.440.000.000 đồng, trong đó bao gồm luôn số tiền 344.438.000 đồng. Phía bị đơn trình bày không có vay tiền của nguyên đơn, bị đơn chỉ thừa nhận có nhận số tiền 344.438.000 đồng do Công ty Hồng Phát Hưng chuyển khoản cho bị đơn và cho rằng số tiền này là do nguyên đơn cho bị đơn. Bị đơn ban đầu phủ nhận chữ ký trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 là của mình; sau khi có Kết luận giám định số 102/C54-P5 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát ngày 13/6/2018 bị đơn mới thừa nhận chữ ký trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 là của mình, còn chữ viết không phải của mình nhưng cho rằng khi ký không có nội

dung vay tiền mà ký không và lý giải rằng trước đây đã từng nhờ nguyên đơn làm nhiều thủ tục hành chính và ký không nhiều giấy tờ đưa nguyên đơn đi làm dùm. Như vậy, lời trình bày của hai bên có mâu thuẫn nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật về nghĩa vụ chứng minh để xác định sự thật khách quan của vụ án.

[6] Theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS thì khi nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.440.000.000 đồng thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh bị đơn có vay của mình số tiền đó. Nguyên đơn đã chứng minh bằng Giấy nợ ngày 02/11/2015 với nội dung bà Hồng có mượn của ông Thủy số tiền 1.440.000.000 đồng, có chữ ký của bị đơn và khoản tiền Công ty Hồng Phát H1. chuyển cho bị đơn được chủ thể chuyển tiền xác định là chuyển dùm cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận mình có ký tên trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 với nội dung mượn của ông Thủy số tiền 1.440.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh bị đơn không có vay số tiền 1.440.000.000 đồng của nguyên đơn. Phía bị đơn cho rằng nội dung viết trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 không phải do mình viết ra, bị đơn không biết về nội dung vay tiền, chữ ký trên giấy nợ là do bị đơn ký không có nội dung nhưng không chứng minh được điều này và cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bị đơn.

[7] Phía bị đơn lập luận cho rằng việc nguyên đơn khẳng định tận mắt nhìn thấy bị đơn tự viết Giấy nợ ngày 02/11/2015 mâu thuẫn với nội dung Kết luận giám định số 236/C09-P5 ngày 15/12/2020 của Viện Khoa học hình sự – Bộ Công an (các chữ viết không phải do bà Hồng viết), nên suy đoán bà Hồng ký không, khi bà Hồng ký không có nội dung vay tiền. Hội đồng xét xử xét thấy với nội dung kết luận giám định *“Các chữ ‘Trịnh Thị Ngọc H1.’ tại dòng chữ thứ 1 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với các chữ ‘Trịnh Thị Ngọc H1.’ tại dòng chữ thứ 12 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do cùng một người viết ra. Các chữ viết bắt đầu từ dòng chữ thứ 1 đến dòng chữ thứ 9 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Trịnh Thị Ngọc H1. trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người viết ra. Các chữ số ‘2/11/2015’ trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Trịnh Thị Ngọc H1. trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra. Không đủ cơ sở kết luận các chữ viết bắt đầu từ dòng chữ thứ 1 đến dòng chữ thứ 10 từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A được viết trước hay sau khi có chữ ký và các chữ ‘Trịnh Thị Ngọc H1.’ phía dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A.”* và cơ quan giám định từ chối yêu cầu giám định về thời điểm ký, viết của mẫu cần giám định ký hiệu A cùng với lý giải *“trước đây bị đơn nhờ nguyên đơn đi làm nhiều thủ tục hành chính có ký không nhiều giấy tờ đưa nguyên đơn đi làm dùm nên cho rằng nguyên đơn đã sử dụng tờ giấy có chữ ký của bị đơn không có nội dung để viết thêm nội dung vay tiền không đúng sự thật vào”* không được nguyên đơn thừa nhận nên không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định khi bà Hồng ký Giấy nợ ngày 02/11/2015 không có nội dung vay mượn tiền. Mâu thuẫn mà bị đơn nêu ra cũng chỉ là một cách suy đoán, giống như suy đoán người ký tên Trịnh Thị Ngọc H1. phía dưới khi ghi nội dung phía trên đã

có chủ ý viết không giống với chữ viết bình thường của mình để phủ nhận nội dung đã viết, tất cả đều không có cơ sở để Hội đồng xét xử căn cứ vào đó để xác định sự thật khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để chấp nhận lập luận này của bị đơn.

[8] Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mặc dù không có cơ sở xác định nội dung ghi trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 là do bị đơn viết ra nhưng điều này cũng không đủ cơ sở để xác định bị đơn không biết gì về toàn bộ nội dung trên giấy nợ khi ký tên để loại trừ trách nhiệm của bị đơn về nội dung bị đơn đã ký xác nhận.

Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B. về việc giải quyết yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn từ tháng 11/2016 đến ngày 30/10/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) thấy:

[9] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không chấp nhận giải quyết yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) do vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu với lập luận: Nguyên đơn phải thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì sẽ được chấp nhận. Trường hợp nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện từ thời điểm Tòa án mở phiên họp trở đi thì việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ được chấp nhận nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản chất của yêu cầu trả tiền lãi của số tiền đã cho vay có tính lãi là một yêu cầu mang tính liên tục, không gián đoạn bắt đầu từ thời điểm cho vay cho đến khi số nợ vay được trả hết. Ban đầu khi nộp Đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ mới yêu cầu khoản tiền lãi tính đến thời điểm khởi kiện để làm căn cứ nộp tiền tạm ứng án phí vì không thể dự liệu được ngày nào Tòa án mới mở phiên tòa xét xử và tuyên án để yêu cầu đầy đủ được. Do vậy, yêu cầu bổ sung về tiền lãi theo thời gian giải quyết vụ án dân sự không bao giờ là yêu cầu vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B. cho rằng yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn vẫn thuộc phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu trong cùng một quan hệ tranh chấp là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) trong vụ án này là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[10] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về chi phí giám định Giấy nợ ngày 02/11/2015 mà nguyên đơn đã tạm nộp để thanh toán cho cơ quan giám định (5.000.000 đồng) chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết: Theo quy định tại Điều 161, 266 của BLTTDS, khi xét xử vụ án, Tòa án có trách nhiệm xem xét quyết định nghĩa vụ chịu chi phí giám định của các bên đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét để quyết định ai là người có nghĩa vụ chịu chi phí giám định là có thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án cần rút kinh nghiệm. Do trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 06/QĐ-TCGD ngày 26/3/2018, bị đơn đã phủ nhận việc ký tên trên Giấy nợ ngày 02/11/2015 (theo Biên bản phiên tòa ngày 21/12/2017,

19/01/2018), từ đó nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trung cầu giám định đối với chữ viết và chữ ký của bị đơn trên Giấy nợ ngày 02/11/2015. Sau khi có kết luận giám định, bị đơn mới thừa nhận chữ ký của bị đơn nên bị đơn vẫn bị xem là có lỗi trong việc giám định chữ ký và phải chịu chi phí giám định tương ứng với phần lỗi của mình. Yêu cầu giám định của nguyên đơn bao gồm chữ viết và chữ ký của bị đơn nhưng theo Kết luận giám định số 102/C54-P5 đối với chữ viết của bị đơn không có cơ sở xác định được chữ viết đó là của bị đơn nên nguyên đơn phải chịu một phần chi phí giám định tương ứng với phần nội dung kết luận giám định không có cơ sở kết luận chữ viết là của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định mỗi bên phải chịu 50% chi phí giám định, tương ứng số tiền là 2.500.000 đồng. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí giám định nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn 2.500.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với thỏa thuận về thời hạn vay và tiền lãi:

[11] Tòa án cấp sơ thẩm xác định hai bên không có thỏa thuận về thời hạn vay là chính xác nhưng chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn từ tháng 4/2015 đến tháng 11/2016 đối với số tiền 1.440.000.000 đồng, trong đó có phần tiền lãi được tính từ tháng 4/2015 đến ngày 02/11/2015, là chưa đủ cơ sở pháp lý, bởi lẽ: bị đơn phủ nhận việc vay tiền, còn nguyên đơn chỉ chứng minh được giao dịch dân sự cho vay số tiền 1.440.000.000 đồng được xác lập từ ngày 02/11/2015 nên nghĩa vụ trả lãi của bên vay (nếu có) từ thời điểm này mới được phát sinh.

[12] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy do bị đơn phủ nhận việc vay tiền đồng nghĩa với việc bị đơn phủ nhận toàn bộ nội dung ghi nhận trên giấy nợ nên nếu nguyên đơn muốn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ tháng 4/2015 thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh đã cho bị đơn vay khoản tiền 1.440.000.000 đồng từ tháng 4/2015. Đối với khoản tiền 344.438.000 đồng Công ty Hồng Phát H1. chuyển cho bị đơn ngày 15/4/2015 không được bị đơn thừa nhận là vay của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xác định bị đơn vay của nguyên đơn số tiền này từ ngày 15/4/2015 để tính tiền lãi. Khoản tiền còn lại nguyên đơn cũng không chứng minh được cho bị đơn vay lúc nào và không được bị đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận tính tiền lãi từ tháng 4/2015.

[13] Theo Giấy nợ ngày 02/11/2015 ngoài nội dung bị đơn vay của nguyên đơn 1.440.000.000 đồng còn có nội dung *“Lãi suất Ngân hàng. Lãi tháng 4 à 10 là 70.000.000”*. Với những nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác định bị đơn đã biết và đồng ý thỏa thuận trả tiền lãi cho nguyên đơn nhưng không xác định rõ ràng mức lãi suất tính. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc vay tiền của hai bên có thỏa thuận lãi nhưng không thỏa thuận rõ ràng là có cơ sở.

[14] Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác định ngày 02/11/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, trong đó, nguyên đơn là bên cho vay, bị đơn là bên vay, số tiền vay là 1.440.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận về tiền lãi vay nhưng thỏa thuận không rõ ràng mức tính lãi suất và không có thỏa thuận về thời hạn vay.

[15] Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập từ ngày 02/11/2015 nên Hội đồng xét xử căn cứ luật nội dung là Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 477 của BLDS 2005 (về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn) và khoản 2 Điều 476 của BLDS 2005 (về lãi suất) thì đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.440.000.000 đồng là có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với nội dung này.

[16] Đối với tiền lãi sẽ được tính toán từ ngày 02/11/2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 23/10/2019) theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 9%/năm (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam). Theo đó, số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là  $1.440.000.000 \text{ đồng} \times 1421 \text{ ngày} \times (9\% : 365 \text{ ngày}) = 504.552.329 \text{ đồng}$ .

[17] Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi 216.000.000 đồng là chưa đủ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân B. về yêu cầu tính tiền lãi, sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

[18] Về thời hạn trả nợ: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hai bên không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhờ cơ quan Thừa phát lại Quận 8 yêu cầu bị đơn trả nợ từ ngày 19/11/2016, từ đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả hết nợ gốc và tiền lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[19] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[20] Về án phí: Theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí dân sự như sau: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo về tiền lãi và nghĩa vụ nộp chi phí giám định được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn (trừ nghĩa vụ hoàn trả tiền chi phí giám định) và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.



[21] Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: khoản chi phí này do bị đơn tạm ứng nộp cho cơ quan giám định và có ý kiến không yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 478/2019/DS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân B., Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Thanh Th. yêu cầu bị đơn là bà Trịnh Thị Ngọc H1. trả lại số tiền 1.440.000.000 (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu) đồng nợ gốc. Chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 02/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/10/2019) với số tiền lãi là 504.552.329 (Năm trăm lẻ bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng.

2. Buộc bà Trịnh Thị Ngọc Hồng có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.440.000.000 đồng nợ gốc và thanh toán tiền lãi từ ngày 02/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/10/2019) là 504.552.329 đồng, tổng cộng là 1.944.552.329 (Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng cho ông Trần Thanh Thủy.

3. Bà Trịnh Thị Ngọc H1. có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Thanh Th. số tiền chi phí giám định tại cấp sơ thẩm là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Bà Trịnh Thị Ngọc H1. chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.336.570 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, tổng cộng là 70.636.570 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (300.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039308 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân B.. Bà Hồng còn phải nộp 70.336.570 (Bảy mươi triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi) đồng án phí.

4.2. Ông Trần Thanh Th. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (300.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039336 ngày 06/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân B. và số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (30.840.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003659 ngày 08/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án dân sự phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Tân B.;
- TAND quận Tân B.;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân B.;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồ Thanh Bạch**